

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 494/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 25/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 14/7/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1759	Hứa Đức Anh	14/12/1997	Lạng Sơn	Nam	7,7	8,5	DBG011437	CNTT/22/1821	Đạt	
2	CNTT1760	Nguyễn Thị Hồng Anh	14/02/1995	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	DBG011438	CNTT/22/1822	Đạt	
3	CNTT1761	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	19/09/1998	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG011439	CNTT/22/1823	Đạt	
4	CNTT1762	Vũ Duy Bắc	12/01/1998	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG011440	CNTT/22/1824	Đạt	
5	CNTT1763	Đình Văn Chiến	11/10/1973	Lạng Sơn	Nam	7,5	6,5	DBG011441	CNTT/22/1825	Đạt	
6	CNTT1764	Nguyễn Hữu Chung	24/07/2003	Bắc Giang	Nam	6,5	8,0	DBG011442	CNTT/22/1826	Đạt	
7	CNTT1765	Trần Văn Chung	08/04/2001	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG011443	CNTT/22/1827	Đạt	
8	CNTT1766	Hà Trọng Cường	24/02/1994	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG011444	CNTT/22/1828	Đạt	
9	CNTT1767	Nguyễn Văn Diên	05/09/1990	Thanh Hóa	Nam	8,2	8,0	DBG011445	CNTT/22/1829	Đạt	
10	CNTT1768	Hoàng Thị Diệp	03/01/1974	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	DBG011446	CNTT/22/1830	Đạt	
11	CNTT1769	Hoàng Thị Đạt	02/11/1992	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG011447	CNTT/22/1831	Đạt	
12	CNTT1770	Phạm Quý Hải Đăng	24/07/1998	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG011448	CNTT/22/1832	Đạt	
13	CNTT1771	Hoàng Văn Diệp	24/04/1984	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG011449	CNTT/22/1833	Đạt	
14	CNTT1772	Nông Thị Đình	01/10/1973	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011450	CNTT/22/1834	Đạt	
15	CNTT1773	Vì Thị Đoàn	20/03/1971	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG011451	CNTT/22/1835	Đạt	
16	CNTT1774	Bàn Thị Giang	15/11/1995	Hà Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG011452	CNTT/22/1836	Đạt	
17	CNTT1775	Nguyễn Thị Hà	02/06/1994	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG011453	CNTT/22/1837	Đạt	
18	CNTT1776	Nông Thị Hành	18/02/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,2	7,5	DBG011454	CNTT/22/1838	Đạt	
19	CNTT1777	Nông Thị Hạnh	26/04/1975	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	DBG011455	CNTT/22/1839	Đạt	
20	CNTT1778	Hoàng Thị Hằng	10/09/1973	Lạng Sơn	Nữ	7,2	8,0	DBG011456	CNTT/22/1840	Đạt	
21	CNTT1779	Lộc Thu Hằng	05/11/1975	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG011457	CNTT/22/1841	Đạt	
22	CNTT1780	Nguyễn Thị Hằng	23/06/1994	Thái Nguyên	Nữ	8,0	6,0	DBG011458	CNTT/22/1842	Đạt	
23	CNTT1781	Mai Thị Hiền	05/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,0	DBG011459	CNTT/22/1843	Đạt	
24	CNTT1782	Nguyễn Thị Hiền	24/08/1983	Hải Dương	Nữ	7,7	8,0	DBG011460	CNTT/22/1844	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTT1783	Sầm Thị	Hiệu	22/04/1994	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011461	CNTT/22/1845	Đạt	
26	CNTT1784	Nông Thị	Hoài	29/11/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	DBG011462	CNTT/22/1846	Đạt	
27	CNTT1785	Nguyễn Thế	Hùng	16/08/2000	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG011463	CNTT/22/1847	Đạt	
28	CNTT1786	Hoàng Thu	Huyền	28/03/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011464	CNTT/22/1848	Đạt	
29	CNTT1787	Trần Thu	Huyền	05/12/2003	Bắc Giang	Nữ	6,5	8,5	DBG011465	CNTT/22/1849	Đạt	
30	CNTT1788	Hoàng Tiến	Huỳnh	08/09/1979	Bắc Ninh	Nam	7,7	8,0	DBG011466	CNTT/22/1850	Đạt	
31	CNTT1789	Mẫn Thu	Hương	28/07/1990	Lạng Sơn	Nữ	8,5	8,0	DBG011467	CNTT/22/1851	Đạt	
32	CNTT1790	Nông Thị	Hương	14/04/1973	Lạng Sơn	Nữ	8,2	6,0	DBG011468	CNTT/22/1852	Đạt	
33	CNTT1791	Nguyễn Công	Khánh	05/11/1984	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,0	DBG011469	CNTT/22/1853	Đạt	
34	CNTT1792	Vũ Văn	Khánh	11/02/2003	Bắc Giang	Nam	6,7	7,5	DBG011470	CNTT/22/1854	Đạt	
35	CNTT1793	Nguyễn Thị	Khí	24/10/1981	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG011471	CNTT/22/1855	Đạt	
36	CNTT1794	Trần Đăng	Khoa	18/09/1997	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG011472	CNTT/22/1856	Đạt	
37	CNTT1795	Nguyễn Đào Tuệ	Lan	08/05/2003	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG011473	CNTT/22/1857	Đạt	
38	CNTT1796	Hoàng Thị	Lan	18/08/1999	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,5	DBG011474	CNTT/22/1858	Đạt	
39	CNTT1797	Đặng Khắc	Lạng	06/05/1977	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	DBG011475	CNTT/22/1859	Đạt	
40	CNTT1798	Đinh Thị	Liễu	17/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	DBG011476	CNTT/22/1860	Đạt	
41	CNTT1799	Đặng Thị Thúy	Linh	12/09/1991	Bắc Ninh	Nữ	7,5	7,0	DBG011477	CNTT/22/1861	Đạt	
42	CNTT1800	Hoàng Thị	Loan	14/11/1995	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG011478	CNTT/22/1862	Đạt	
43	CNTT1801	Chu Ngọc	Luân	15/08/1985	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG011479	CNTT/22/1863	Đạt	
44	CNTT1802	Nông Thị	Luyên	07/12/1972	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011480	CNTT/22/1864	Đạt	
45	CNTT1803	Bế Thị	Luyến	14/04/1974	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	DBG011481	CNTT/22/1865	Đạt	
46	CNTT1804	Mã Thị	Luyến	23/06/1995	Lạng Sơn	Nữ	8,2	6,5	DBG011482	CNTT/22/1866	Đạt	
47	CNTT1805	Ma Thị	Lựu	14/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011483	CNTT/22/1867	Đạt	
48	CNTT1806	Phan Thanh	Nam	25/08/1997	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	DBG011484	CNTT/22/1868	Đạt	
49	CNTT1807	Bế Thị	Năm	24/05/1974	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,5	DBG011485	CNTT/22/1869	Đạt	
50	CNTT1808	Phùng Thị	Ngân	23/05/1993	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG011486	CNTT/22/1870	Đạt	
51	CNTT1809	Nguyễn Ánh	Nguyệt	06/05/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	DBG011487	CNTT/22/1871	Đạt	
52	CNTT1810	Lương Thị	Nhân	29/09/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG011488	CNTT/22/1872	Đạt	
53	CNTT1811	Hoàng Thị	Phấn	20/08/1986	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,0	DBG011489	CNTT/22/1873	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTT1812	Hà Mạnh	Phong	11/03/1996	Bắc Giang	Nam	7,7	8,5	DBG011490	CNTT/22/1874	Đạt	
55	CNTT1813	Triệu Bích	Phuong	06/07/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,2	6,5	DBG011491	CNTT/22/1875	Đạt	
56	CNTT1814	Nguyễn Đức	Thái	02/01/1992	Hà Tĩnh	Nam	7,5	7,5	DBG011492	CNTT/22/1876	Đạt	
57	CNTT1815	Hứa Thị	Thanh	20/06/1976	Lạng Sơn	Nữ	7,2	6,0	DBG011493	CNTT/22/1877	Đạt	
58	CNTT1816	Ma Đức	Thắng	18/12/2001	Tuyên Quang	Nam	6,7	7,5	DBG011494	CNTT/22/1878	Đạt	
59	CNTT1817	Trần Văn	Thắng	10/10/1988	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,0	DBG011495	CNTT/22/1879	Đạt	
60	CNTT1818	Dương Văn	Thật	10/02/1988	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG011496	CNTT/22/1880	Đạt	
61	CNTT1819	Nguyễn Thị	Thiêm	18/02/1995	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG011497	CNTT/22/1881	Đạt	
62	CNTT1820	Mã Thanh	Thúy	08/11/1972	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	DBG011498	CNTT/22/1882	Đạt	
63	CNTT1821	Nông Thị	Thùy	13/10/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	DBG011499	CNTT/22/1883	Đạt	
64	CNTT1822	Bê Thị	Thùy	16/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	8,5	7,0	DBG011500	CNTT/22/1884	Đạt	
65	CNTT1823	Đinh Thị	Thùy	15/12/1975	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,5	DBG011501	CNTT/22/1885	Đạt	
66	CNTT1824	Hoàng Văn	Tiến	11/08/1979	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,5	DBG011502	CNTT/22/1886	Đạt	
67	CNTT1825	Nguyễn Như	Trang	24/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,5	DBG011503	CNTT/22/1887	Đạt	
68	CNTT1826	Nguyễn Thị	Trang	05/05/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG011504	CNTT/22/1888	Đạt	
69	CNTT1827	Hồ Tuyết	Trình	06/10/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,0	6,0	DBG011505	CNTT/22/1889	Đạt	
70	CNTT1828	Trần Anh	Tuấn	23/01/1999	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG011506	CNTT/22/1890	Đạt	
71	CNTT1829	Trần Văn	Tùng	07/01/1989	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,5	DBG011507	CNTT/22/1891	Đạt	
72	CNTT1830	Nguyễn Thị	Tuyết	03/04/2003	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,5	DBG011508	CNTT/22/1892	Đạt	
73	CNTT1831	Nông Thị Tú	Uyên	30/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG011509	CNTT/22/1893	Đạt	
74	CNTT1832	Ngọc Thị	Vân	14/10/1994	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG011510	CNTT/22/1894	Đạt	
75	CNTT1833	Phạm Thị	Xuân	10/04/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG011511	CNTT/22/1895	Đạt	

Danh sách có 75 thí sinh./.

